

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....


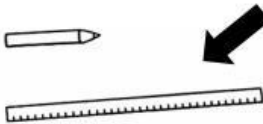
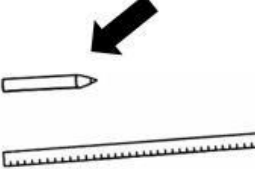
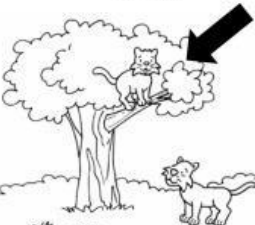
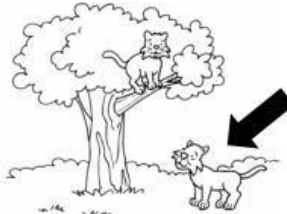


Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....




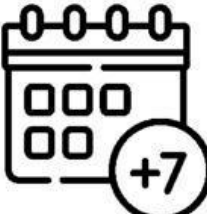

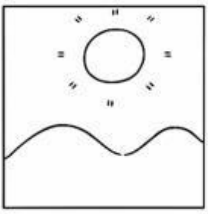
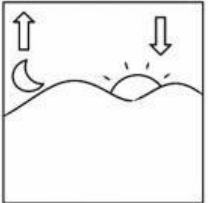
GE2 - Unit 7: The world around us - Vocabulary 2

A. THEORY: VOCABULARY

❖ Light and Shadow (Ánh sáng và Bóng)

 <p>shadow (n) bóng</p>	 <p>long (adj) dài</p>	 <p>short (adj) ngắn</p>
 <p>high (adj) cao</p>	 <p>low (adj) thấp</p>	

❖ Time Words (Các từ vựng chỉ thời gian)

 <p>today (adv) hôm nay</p>	 <p>now (adv) bây giờ</p>	 <p>tomorrow (adv) ngày mai</p>	 <p>next week (phr) tuần tới</p>
 <p>in the morning (phr) vào buổi sáng</p>	 <p>at midday (phr) vào buổi trưa</p>	 <p>in the evening (phr) vào buổi tối</p>	

❖ HOMEWORK: Extra vocabulary

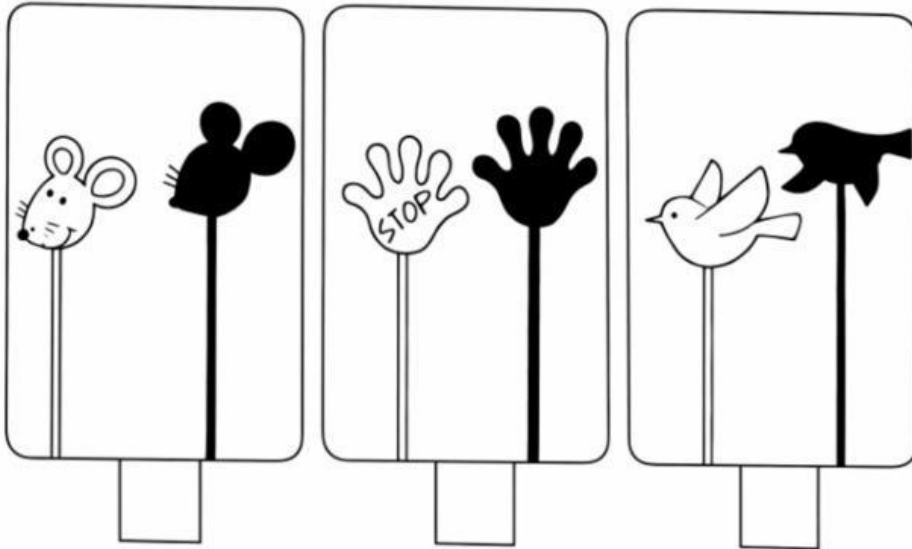
No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	come back (phr)	quay lại	3	crocodile (n)	con cá sấu
2	frog (n)	con ếch	4	beach (n)	bãi biển

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; adv = adverb: trạng từ; phr = phrase: cụm từ.

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (18 questions)

Exercise 1. Tick ✓ the picture with correct shadow. (Tích ✓ ảnh có bóng đúng.)



Exercise 2. Look, read and circle the correct answers. (Nhìn, đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

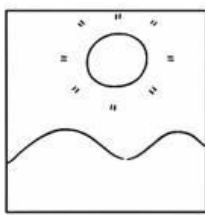
0.		<p>Today is Tuesday.</p> <p>Yesterday was <u>Monday</u>.</p> <p>Tomorrow will be <u>Wednesday</u>.</p>
1.		<p>Today is Friday.</p> <p>Yesterday was</p> <p>Tomorrow will be Saturday.</p>
2.		<p>Today is Wednesday.</p> <p>Yesterday was</p> <p>Tomorrow will be Thursday.</p>
3.		<p>Today is Saturday.</p> <p>Yesterday was Friday.</p> <p>Tomorrow will be</p>
4.		<p>Today is Thursday.</p> <p>Yesterday was</p> <p>Tomorrow will be Friday.</p>
5.		<p>Today is Monday.</p> <p>Yesterday was</p> <p>Tomorrow will be Tuesday.</p>

Exercise 3. Look at the time and fill in IN THE MORNING, AT MIDDAY, IN THE EVENING in the blanks.

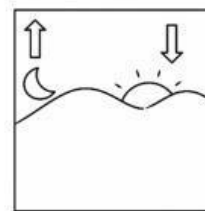
(Nhìn thời gian và điền IN THE MORNING, AT MIDDAY, IN THE EVENING vào chỗ trống.)



in the morning
6:00 a.m. -
11:59 a.m.



at midday
12:00 p.m.



in the evening
6:00 p.m. -
9:00 p.m.

- | | |
|--|---|
| 0. Mark goes to school <u>in the morning</u> . | 3. I do my homework |
| <input type="text" value="9:00 a.m."/> | <input type="text" value="7:00 p.m."/> |
| 1. They go to work | 4. My dad drinks coffee |
| <input type="text" value="8:30 a.m."/> | <input type="text" value="10:00 a.m."/> |
| 2. Mary has lunch | 5. Susan plays basketball |
| <input type="text" value="12:00 p.m."/> | <input type="text" value="12:00 p.m."/> |

Exercise 4. Read the passage. Choose the correct answers. (Đọc đoạn văn. Chọn đáp án đúng.)

It is Saturday morning. Nam is flying a kite with his brother. The kite is high in the sky. Mai is playing with a rope. The rope is long. Tom is standing near a wall with his dad. The wall is high. Lily is sitting on a chair with her mum. The chair is low. Anna is brushing her hair with her sister. Her hair is long. Next week, they are coming back to the park with their family.

- | | | |
|---|--|------------------|
| 0. Who is Nam flying a kite with? | <input checked="" type="radio"/> a. With his brother | b. With his dad |
| 1. Where is the kite? | a. High in the sky | b. On the ground |
| 2. What is Mai playing with? | a. A long rope | b. A short rope |
| 3. What is the wall like? | a. Low | b. High |
| 4. Who is Anna brushing her hair with? | a. Her teacher | b. Her sister |
| 5. When are they coming back to the park? | a. Next week | b. Next month |

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (5 questions)



Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2-w27-homework-starters-part-4>

STARTERS PART 4

Listen and colour.

